

Vietnam Daily Review

Thị trường còn lưỡng lự

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/3/2022		•	
Tuần 28/3-1/4/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index trời sục trong biên độ gần 9 điểm suốt cả ngày hôm nay với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên hôm trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng nhẹ trên sàn HSX mà mua ròng hơn 700 tỷ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, VN-Index có thể sẽ quay trở lại vùng quanh 1485.

Hợp đồng tương lai: VN30F2209 tăng điểm theo chỉ số VN30, trong khi HD VN30F2205 và VN30F2206 vận động trái chiều, VN30F2204 không có biến động so với phiên trước. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/03/2022, các chứng quyền giảm điểm khi cổ phiếu cơ sở giảm giá quanh ngưỡng 1500.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+0.24** điểm, đóng cửa **1498.50** điểm. HNX-Index **-1.05** điểm, đóng cửa **461.75** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+0.91)**, **VPB (+0.45)**, **BID (+0.45)**, **NVL (+0.40)**, **DPM (+0.34)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.18)**, **GAS (-0.76)**, **CTG (-0.42)**, **DIG (-0.39)**, **MBB (-0.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22.664** tỷ đồng, giảm **-4.18%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24.535 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 8.74 điểm. Thị trường có **231** mã tăng, 61 mã tham chiếu và **211** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-48.95** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-63.88 tỷ)**, **VCI (-57.74 tỷ)**, **DXG (-48.73 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **753.26** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1498.50**
Giá trị: 22663.89 tỷ **0.24 (0.02%)**
Khối ngoại (ròng): -48.95 tỷ

HNX-INDEX **461.75**
Giá trị: 3603.18 tỷ **-1.05 (-0.23%)**
Khối ngoại (ròng): 753.26 tỷ

UPCOM-INDEX **117.00**
Giá trị: 1634.99 tỷ **-0.27 (-0.23%)**
Khối ngoại (ròng): -20.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	109.6	-2.40%
Giá vàng	1,958	0.02%
Tỷ giá USD/VND	22,871	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,197	0.35%
Tỷ giá JPY/VND	18,798	-0.06%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	6.21%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEFVN	74.2	VNM	-63.9
DGC	64.5	VCI	-57.7
DPM	56.2	DXG	-48.7
VGC	27.5	GMD	-32.5
VHC	24.5	VND	-32.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

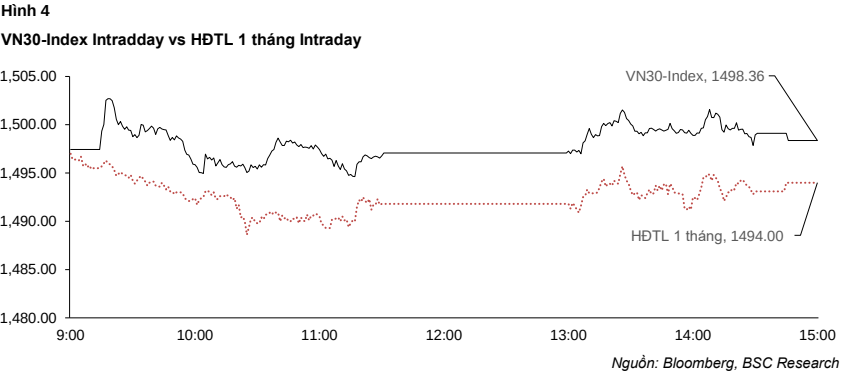
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
24/3/22	BMP	61	68	58	61.8	1	1.31%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/3/22	DBC	77	85.8	73	78.2	2	1.56%	Có thể tiếp tục mua
22/3/22	CII	34.15	43.5	30.55	32.85	3	-3.81%	Có thể tiếp tục mua
21/3/22	KDH	53.3	61.3	51.5	53.3	4	0.00%	Có thể tiếp tục mua
18/3/22	LIG	16	22	14	16	7	0.00%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	28.9	10	2.48%	Có thể tiếp tục mua
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	27.9	11	13.88%	Cần nhắc không mua thêm (**)
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	17.45	15	3.25%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	45.05	22	1.46%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	37.85	25	-1.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	23.8	29	1.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	25.6	30	3.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	21.4	35	8.08%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.4	45	1.87%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	TP	7	24.42%
16/3/22	VTP	70	77	66	TP	8	10.00%
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	2	3.20%	-2.56%	2.38%	18
Cổ phiếu đã chốt	240	186	7.70%	-7.24%	5.03%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1494.00	0.00%	-4.36	-4.4%	117,690	4/21/2022	27
VN30F2205	1492.90	-0.07%	-5.46	-18.7%	178	5/19/2022	55
VN30F2206	1489.20	-0.06%	-9.16	-68.3%	19	6/16/2022	83
VN30F2209	1490.50	0.07%	-7.86	-15.0%	34	9/15/2022	174

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 0.92 điểm lên 1498.36 điểm. Các cổ phiếu như MWG, VPB, NVL, PNJ, VHM đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 đang kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 1500 điểm.
- VN30F2209 tăng điểm theo chỉ số VN30, trong khi HĐ VN30F2205 và VN30F2206 vận động trái chiều, VN30F2204 không có biến động so với phiên trước. Xét về KLGD, các HĐ giảm trừ VN30F2205. Xét về vị thế mở, các HĐ VN30F2206 và VN30F2205 giảm, VN30F2204 tăng và VN30F2209 không biến động so với phiên trước. Điều số tăng nhẹ trong khi số lượng hợp đồng mở mới tăng cho thấy xu hướng thiên về chiều long. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trong phiên giao dịch tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2111	4/8/2022	14	10:1	930,300	30.12%	1,900	1,120	51.35%	641	1.75	205,600	130,000	138,900
CMWG2114	4/20/2022	26	12:1	231,700	30.12%	2,600	1,150	10.58%	625	1.84	224,800	130,000	138,900
CPNJ2201	9/20/2022	179	8:1	215,500	32.85%	2,300	2,950	5.36%	2,013	1.47	97,900	95,500	108,200
CKDH2107	4/27/2022	33	8:1	374,400	35.26%	1,300	1,280	2.40%	1,171	1.09	44,928	43,888	53,300
CFPT2202	6/24/2022	91	10:1	65,500	21.96%	1,700	1,670	-0.60%	913	1.83	97,200	89,700	95,700
CVPB2111	4/20/2022	26	4:1	220,700	31.65%	2,300	1,550	-1.27%	762	2.03	39,800	34,000	36,750
CTCB2105	5/4/2022	40	5:1	545,100	29.55%	3,600	1,370	-2.14%	1,037	1.32	58,600	45,000	49,250
CSTB2201	9/21/2022	180	5:1	496,800	37.23%	1,500	1,710	-2.29%	1,245	1.37	35,088	29,888	33,650
CMBB2201	9/20/2022	179	2:1	73,100	30.26%	2,700	3,300	-2.65%	2,276	1.45	38,660	29,500	31,800
CSTB2202	9/20/2022	179	2:1	105,700	37.23%	2,700	3,810	-2.81%	3,228	1.18	33,500	29,500	33,650
CVRE2105	5/4/2022	40	5:1	86,300	37.60%	1,200	900	-3.23%	700	1.29	38,750	30,000	32,700
CVJC2103	4/27/2022	33	20:1	496,500	25.94%	1,500	880	-3.30%	614	1.43	131,799	129,999	143,000
CHPG2204	6/24/2022	91	5:1	349,300	33.09%	1,900	1,750	-3.31%	922	1.90	54,500	44,500	46,400
CTPB2101	4/6/2022	12	3.7:1	13,500	40.99%	2,500	2,010	-3.37%	1,831	1.10	45,136	33,333	39,900
CSTB2110	4/27/2022	33	8:1	963,000	37.23%	1,000	610	-4.69%	543	1.12	33,919	29,999	33,650
CMSN2104	5/4/2022	40	9.98:1	297,000	38.35%	5,200	2,910	-6.13%	3,007	0.97	147,790	0	146,400
CFPT2203	8/1/2022	129	4:1	208,400	21.96%	3,800	4,100	-6.18%	1,652	2.48	100,720	95,000	95,700
CVRE2110	4/27/2022	33	8:1	302,300	37.60%	1,000	580	-6.45%	422	1.37	44,879	29,999	32,700
CMBB2107	4/8/2022	14	2:1	810,700	30.26%	2,200	1,330	-6.99%	1,154	1.15	31,780	30,000	31,800
CMSN2110	4/8/2022	14	9.98:1	190,700	38.35%	2,200	820	-7.87%	759	1.08	157,488	142,000	146,400
Tổng				6,046,200	32.73%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/03/2022, các chứng quyền giảm điểm khi cổ phiếu cơ sở giằng co quanh ngưỡng 1500.
- CACB2102 và CMWG2111 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 131.60% và 51.35%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 7.13%. CACB2102 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.02% thị trường.
- CMSN2104, CMSN2110, CKDH2107, và CTPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2202, CVPB2202, CPNJ2201, và CMBB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2112, CMSN2104, và CSTB2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	138.9	3.7%	0.6	4,305	22.6	6,936	20.0	4.9	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	108.2	1.1%	0.7	1,070	3.1	4,526	23.9	4.1	48.9%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	58.5	-0.5%	1.3	1,888	1.6	2,501	23.4	2.1	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	52.9	0.2%	0.5	539	0.4	3,543	14.9	1.6	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	81.0	0.0%	0.6	13,432	7.7	(759)	N/A	N/A	3.1	12.6%	-3.1%
VRE	Bất động sản	32.7	-0.3%	1.1	3,231	3.0	578	56.5	2.4	30.3%	4.4%	
VHM	Bất động sản	75.9	0.3%	1.1	14,369	9.0	9,048	8.4	2.6	23.8%	36.4%	
DXG	Bất động sản	46.5	0.8%	1.3	1,228	22.7	1,942		3.2	30.3%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	43.5	-0.8%	1.6	1,875	15.0	2,768	15.7	3.0	37.7%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	57.6	-1.5%	1.0	834	9.0	4,512	12.8	2.9	19.9%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	35.2	-1.1%	1.6	700	3.7	2,805	12.5	2.2	43.2%	19.5%	
FPT	Công nghệ	95.7	-0.3%	0.9	3,776	5.1	4,792	20.0	4.8	49.0%	25.8%	
FOX	Công nghệ	77.0	-1.0%	0.4	1,099	0.1	4,926	15.6	4.2	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	110.7	-1.4%	1.2	9,212	1.9	4,381	25.3	4.1	2.8%	17.4%	
PLX	Dầu khí	56.0	0.0%	1.5	3,094	3.5	2,337	24.0	2.8	17.0%	12.3%	
PVS	Dầu khí	34.5	-2.3%	1.7	717	12.5	1,260	27.4	1.4	8.5%	5.0%	
BSR	Dầu khí	26.7	-1.1%	0.8	3,599	5.1	2,108		2.2	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	111.3	0.0%	0.3	633	0.2	5,720	19.5	3.8	54.2%	20.3%	
DPM	Hóa chất	72.7	4.8%	0.9	1,237	21.7	7,914	9.2	2.7	10.6%	33.5%	
DCM	Hóa chất	46.6	3.1%	0.7	1,073	21.1	3,073	15.2	3.3	7.0%	23.7%	
VCB	Ngân hàng	82.5	-1.2%	1.0	16,975	4.1	5,005	16.5	3.5	23.7%	21.4%	
BID	Ngân hàng	43.5	0.8%	1.2	9,556	3.7	2,090	20.8	2.6	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	32.2	-1.1%	1.5	6,728	7.8	2,940	11.0	1.7	25.8%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	36.8	1.1%	1.2	7,103	15.2	2,648	13.9	2.1	17.5%	17.9%	
MBB	Ngân hàng	31.8	-0.8%	1.2	5,224	11.3	3,362	9.5	2.0	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	32.7	-0.6%	1.1	3,841	4.8	3,554	9.2	2.0	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	61.8	1.3%	0.6	220	0.3	2,618	23.6	2.2	85.0%	9.0%	
NTP	Nhựa	60.5	-1.1%	0.4	310	1.1	3,951	15.3	2.6	17.9%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	31.4	-1.3%	1.1	1,501	1.1	178	176.4	2.4	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	46.4	0.0%	1.1	9,024	27.2	7,708	6.0	2.3	22.2%	46.1%	
HSG	Thép	37.9	0.8%	1.4	812	17.3	8,581	4.4	1.7	6.7%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	75.2	-0.5%	0.6	6,833	8.8	4,518	16.6	4.8	54.2%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	157.5	-0.2%	0.8	4,391	0.8	5,663	27.8	4.8	62.5%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	146.4	-0.1%	1.0	7,514	3.5	7,257	20.2	5.3	28.4%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	24.0	2.8%	1.3	657	5.1	1,135	21.1	1.8	7.3%	8.7%	
ACV	Vận tải	89.7	0.0%	0.8	8,490	0.3	577	155.5	5.2	3.8%	3.4%	
VJC	Vận tải	143.0	-0.7%	1.1	3,367	5.0	2,271		4.6	16.8%	7.7%	
HVN	Vận tải	25.4	-0.4%	1.7	2,441	1.8	(6,523)		23.5	6.1%	-267.4%	
GMD	Vận tải	54.8	-1.8%	1.0	718	7.5	1,846	29.7	2.6	43.3%	9.1%	
PVT	Vận tải	25.6	0.0%	1.2	360	4.5	2,038	12.6	1.6	9.7%	13.1%	
VCS	Vật liệu xây dựng	113.4	-1.0%	0.7	789	0.5	10,538	10.8	3.7	3.6%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	59.0	1.9%	0.3	1,150	4.4	2,729	21.6	3.7	3.9%	18.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	24.8	1.2%	0.9	411	2.8	966	25.7	1.8	1.8%	7.0%	
CTD	Xây dựng	91.8	-0.8%	1.0	295	2.2	310	295.7	0.8	45.7%	0.3%	
CII	Xây dựng	32.9	-2.2%	0.9	346	19.2	(1,398)	N/A	N/A	1.6	10.5%	-6.9%
REE	Điện	79.0	-0.9%	-1.4	1,062	3.3	6,002	13.2	1.8	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	45.3	-1.9%	-0.4	463	5.6	2,997	15.1	2.3	5.1%	15.9%	
POW	Điện	16.6	-1.2%	0.6	1,690	6.2	759	21.9	1.3	2.0%	6.1%	
NT2	Điện	23.2	-0.9%	0.6	290	0.7	1,778	13.0	1.6	13.6%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	53.8	0.2%	1.2	1,347	9.3	1,590	33.8	2.2	18.5%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	73.9	-1%	1.0	3,326	0.5			4.9	2.6%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	138.90	3.66	0.90	3.78MLN
VPB	36.75	1.10	0.46	9.60MLN
NVL	83.60	0.97	0.40	5.58MLN
BID	43.45	0.81	0.36	1.97MLN
DPM	72.70	4.76	0.33	7.02MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.21	1.14MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.79	385200	607060
CTG	0.00	-0.43	5.56MLN	373600
DIG	0.00	-0.41	5.00MLN	192700
MBB	0.00	-0.24	8.09MLN	611640

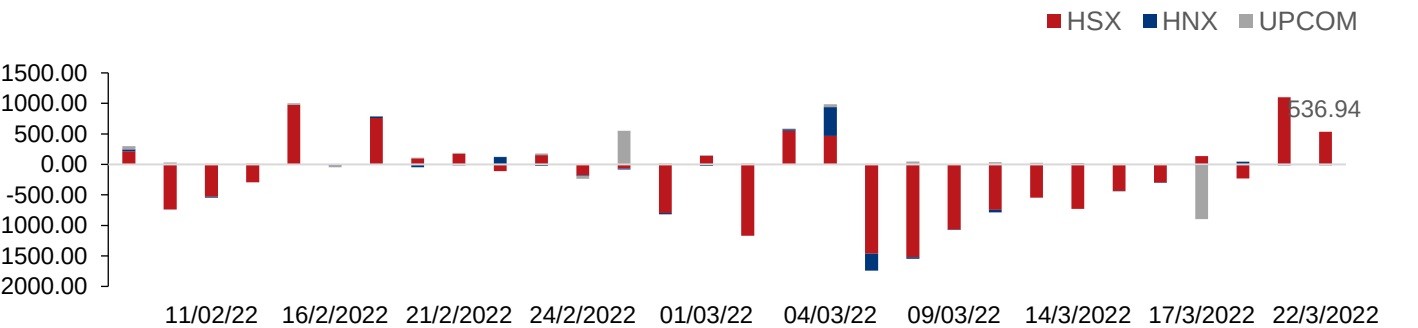
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SII	20.65	6.99	0.02	25300.00
OGC	17.60	6.99	0.09	5.17MLN
LCM	7.50	6.99	0.00	235800
SGT	32.15	6.99	0.04	447000
GIL	88.80	6.99	0.06	1.60MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDP	38.05	-9.40	-0.02	5100
PGI	34.35	-6.91	-0.06	27800
SVC	103.60	-6.83	-0.07	100.00
VCF	261.00	-6.79	-0.13	2100
KPF	17.10	-3.93	-0.01	276000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	43.0	1,006	42.7	2.3	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	42.3	1,968	21.5	2.0	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.7	2,108	12.7	2.2	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	71.0	362	196.1	6.1	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	91.8	310	295.7	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	78.2	7,200	10.9	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	46.6	3,073	15.2	3.3	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	225.0	13,122	17.1	6.3	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	85.5	5,715	15.0	4.0	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.4	2,448	13.6	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	46.5	1,942	23.9	3.2	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.8	948	27.2	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	18.3	1,454	12.6	0.8	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	95.7	4,792	20.0	4.8	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	110.7	4,381	25.3	4.1	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	110.7	4,381	25.3	4.1	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	37.7	3,134	12.0	2.6	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.4	7,708	6.0	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	37.9	8,581	4.4	1.7	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	44.2	157	282.0	4.0	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.8	1,520	13.0	0.9	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.8	1,520	13.0	0.9	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.5	689	25.3	1.3	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.3	1,833	29.1	3.4	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	50.8	5,924	8.6	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	81.6	8,820	9.3	2.9	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	138.9	6,936	20.0	4.9	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	50.0	10,793	4.6	1.9	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	60.9	3,055	19.9	2.6	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.2	1,778	13.0	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	45.3	2,997	15.1	2.3	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.2	4,526	23.9	4.1	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.2	4,526	23.9	4.1	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.6	759	21.9	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	52.9	3,543	14.9	1.6	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.5	1,260	27.4	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.0	4,085	9.1	3.3	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	44.0	14,346	3.1	1.2	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	77.4	3,013	25.7	5.3	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	26.0	2,324	11.2	3.7	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.2	570	46.0	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	94.0	6,052	15.5	3.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	75.2	4,518	16.6	4.8	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.7	578	56.5	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	45.1	3499.1	12.9	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,646	17.4	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639